

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 327/2024/DS-PT

Ngày: 04 - 12 - 2024

“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung.

Các Thẩm phán: Bà Lưu Thị Thu Hương và bà Nguyễn Thị Hạnh Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Cao Huế - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Ngụ Văn Minh - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 222/2024/TLPT-DS ngày 07/10/2024 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, do Bản án dân sự sơ thẩm số 108/2024/DS-ST ngày 04/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 271/2024/QĐ-PT ngày 23/10/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 286/2024/QĐ-PT ngày 14/11/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1954 (có mặt).

Địa chỉ: A Y, phường E, TP., tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Ông Hoàng Văn S, sinh năm 1965 (vắng mặt) và bà Phạm Thị H, sinh năm 1973 (vắng mặt).

Địa chỉ: 1 Y, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Lê Thị Kim C, sinh năm 2001 (có mặt) - Địa chỉ: D L, phường E, TP., tỉnh Đắk Lắk.

3. Người kháng cáo: bị đơn bà Phạm Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo trình bày của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án thể hiện như sau:

Ngày 20/11/2023 bà Lê Thị T cho vợ chồng ông Hoàng Văn S và bà Phạm Thị H vay 100.000.000 đồng, hai bên thoả thuận 01 tháng sau trả cả gốc và lãi; vợ chồng ông S, bà H thế chấp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01118/QSDĐ/44/QĐUB ngày 12/3/2022 đứng tên hộ ông Hoàng Văn S. Khi vay

tiền, hai bên có lập giấy vay tiền, có chữ ký đề tên ông S, bà H. Bà T đã giao đủ tiền vay cho vợ chồng ông S. Quá trình vay tiền, vợ chồng ông S mới trả cho bà T được 4.500.000 đồng tiền lãi, còn lại nợ gốc chưa trả.

*** Nguyên đơn bà Lê Thị T khởi kiện yêu cầu Toà án:** Đến hạn trả nợ, mặc dù bà T đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông S trả nợ nhưng vợ chồng ông S chỉ hứa hẹn chứ không thực hiện. Nay bà T yêu cầu vợ chồng ông S, bà H phải trả 100.000.000 đồng nợ gốc và nợ lãi từ ngày vay 20/11/2023 cho đến khi trả hết nợ, với mức lãi suất 1,5%/tháng, khấu trừ 4.500.000 đồng vào tiền nợ lãi.

*** Bị đơn ông Hoàng Văn S và bà Phạm Thị H trình bày:** Khi nhận tiền vay, bà T chỉ giao cho vợ chồng ông 97.000.000 đồng, còn 3.000.000 đồng bà T trừ vào tiền lãi. Quá trình vay, vợ chồng ông S trả thêm tiền lãi 4.500.000 đồng. Như vậy, vợ chồng ông S đã trả lãi đến tháng 5/2024. Nay nguyên đơn khởi kiện, vợ chồng ông S đồng ý trả nợ, nhưng do điều kiện gia đình khó khăn nên xin trả dần, mỗi tháng trả 1.000.000 đồng. Về tiền lãi thì vợ chồng ông S đã trả đủ đến tháng 5/2024 nên không đồng ý trả lãi nữa. Về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, yêu cầu bà T trả lại.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 108/2024/DS-ST ngày 04/7/2024 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định: Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị T.
2. Buộc bị đơn ông Hoàng Văn S và bà Phạm Thị H phải trả cho bà Lê Thị T 106.700.000 đồng, trong đó nợ gốc 100.000.000 đồng, nợ lãi 6.700.000 đồng.
3. Buộc bà Lê Thị T phải trả lại cho ông Hoàng Văn S và bà Phạm Thị H 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01118/QSDĐ/44/QĐUB ngày 12/3/2022, số tờ bản đồ Từ Phong, đứng tên hộ ông Hoàng Văn S.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 19/7/2024 bị đơn bà Phạm Thị H có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm khấu trừ thêm số tiền 3.000.000 đồng vào tiền lãi phải trả.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Về tố tụng, Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký Tòa án, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Xét kháng cáo của bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn được nộp trong thời hạn quy định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[2]. Xét kháng cáo của bị đơn bà Phạm Thị H.

Tại giấy vay tiền ngày 20/11/2023 có nội dung ông Hoàng Văn S và bà Phạm Thị H vay của bà Lê Thị T 100.000.000 đồng, hạn 01 tháng trả cả gốc và lãi; khi vay kèm theo một cuốn sổ đỏ mang tên Hoàng Văn S. Tại mục người vay tiền có chữ ký, chữ viết đề tên ông Hoàng Văn S và bà Phạm Thị H. Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều xác nhận ngày 20/11/2023 vợ chồng ông S, bà H vay của bà T 100.000.000 đồng, hạn 01 tháng trả cả gốc và lãi. Như vậy, đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn, có lãi suất theo Điều 470 Bộ luật Dân sự.

*** Về nợ gốc:** Các đương sự đều xác nhận, từ ngày đến hạn trả nợ (ngày 20/12/2023) cho đến nay vợ chồng ông S, bà H chưa trả nợ gốc cho bà T. Tòa án cấp sơ thẩm buộc vợ chồng ông S, bà H phải trả cho bà T 100.000.000 đồng nợ gốc là đúng quy định tại Điều 466 và 470 Bộ luật Dân sự.

*** Về nợ lãi:** Các đương sự đều xác nhận khi vay tiền có thỏa thuận về lãi, tuy nhiên tại giấy vay tiền không thể hiện mức lãi suất. Nguyên đơn bà T trình bày hai bên thỏa thuận lãi suất là 1,5%/tháng. Bị đơn vợ chồng ông S trình bày hai bên thỏa thuận có lãi và đã trả lại đến hết tháng 5/2024; khi vay tiền trả lãi 3.000.000 đồng, ngày 28/12/2023 bị đơn chuyển khoản trả lãi 3.000.000 đồng, ngày 20/02/2024 chuyển khoản trả lãi 1.500.000 đồng. Như vậy, theo trình bày của vợ chồng ông S thì vợ chồng ông S đã trả lãi được 05 tháng, với số tiền 7.500.000 đồng, ứng với mức lãi suất là 1,5%/tháng. Do đó, có căn cứ xác định các bên đương sự thỏa thuận mức lãi suất là 1,5%/tháng (tương ứng với 18%/năm). Mức lãi suất này phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Về số tiền lãi đã trả: Các đương sự xác nhận, vợ chồng ông S trả lãi cho bà T được 4.500.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự (những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh) xác định vợ chồng ông S đã trả cho bà T 4.500.000 đồng tiền lãi. Đối với số tiền 3.000.000 đồng vợ chồng ông S trình bày khi bà T giao tiền vay thì chỉ giao 97.000.000 đồng, khấu trừ trước 3.000.000 đồng vào tiền lãi phải trả. Tuy nhiên, vợ chồng ông S không xuất trình được chứng cứ để chứng minh cho trình bày của mình, đồng thời bà T cũng không thừa nhận nên không có căn cứ xác định vợ chồng ông S đã trả cho bà T 3.000.000 đồng tiền lãi. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm buộc vợ chồng ông S phải trả lãi cho bà T kể từ ngày vay 20/11/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 04/7/2024 là 07 tháng 14 ngày, tương ứng với số tiền 11.200.000 đồng, khấu trừ số tiền lãi 4.500.000 đồng đã trả là đúng quy định tại khoản 1 Điều 468 và khoản 2 Điều 470 Bộ luật Dân sự.

[3]. Từ những phân tích, nhận định trên, Hội đồng xét xử nhận thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Phạm Thị H, giữ nguyên Bản án dân

sự sơ thẩm số 108/2024/DS-ST ngày 04/7/2024 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

[4]. Về án phí: Do không chấp nhận kháng cáo bị đơn bà Phạm Thị H nên bà H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự,

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Phạm Thị H. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 108/2024/DS-ST ngày 04/7/2024 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

[2]. Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự; Điều 26, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

Tuyên xử:

[2.1]. Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị T.

Buộc bị đơn ông Hoàng Văn S và bà Phạm Thị H phải trả cho bà Lê Thị T 106.700.000 đồng, trong đó nợ gốc 100.000.000 đồng, nợ lãi 6.700.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[2.2]. Buộc bà Lê Thị T phải trả lại cho ông Hoàng Văn S và bà Phạm Thị H 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 01118/QSĐĐ/44/QĐUB ngày 12/3/2002 do Ủy ban nhân dân huyện Q, tỉnh Bắc Ninh cấp cho hộ ông Hoàng Văn S (tờ bản đồ Từ Phong, diện tích 508 m²).

[2.3]. Về án phí.

- Ông Hoàng Văn S và bà Phạm Thị H phải chịu 5.335.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 13318 ngày 02/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[3]. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND THADS TP. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS TP. Buôn Ma Thuột;
- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nhung